

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

★★★

Số: 37/2021/KPF/CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

☪☪☪

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN

V/v Báo cáo tài chính Hợp nhất Giữa niên độ năm 2021 (Đã được soát xét)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh;
- Quý Cổ đông.

A. THÔNG TIN CÔNG TY

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH
- Mã chứng khoán: KPF
- Mã số thuế: 0103930374
- Địa chỉ trụ sở chính: 20-22-24 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: 0934981818

B. NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ

- Loại thông tin công bố Định kỳ Bất thường Theo yêu cầu

- Nội dung thông tin công bố

Báo cáo tài chính Hợp nhất Giữa niên độ năm 2021 của Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 (Đã được soát xét).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Đầu tư tài chính Hoàng Minh vào ngày 10/08/2021 tại đường link Website của Công ty: <http://www.kpf.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Tổng Giám đốc

Đinh Kim Nhung

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét:	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	7 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	11-12
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13 – 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) (được đổi tên từ Công ty Cổ phần tư vấn dự án Quốc tế KPF từ ngày 08 tháng 06 năm 2017) thành lập và hoạt động theo Mã số doanh nghiệp số 0103930374 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 06 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 12 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 12 ngày 14 tháng 4 năm 2021.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANGMINH FINANCE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: HM FINANCE INVEST .,JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại: 20-22-24 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Vốn điều lệ của Công ty: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 579.689.330.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm bảy chín tỷ, sáu trăm tám chín triệu, ba trăm ba mươi ngàn đồng). Tương đương với 57.968.933 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Thanh Bình	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 28/4/2021
Ông Lê Anh Đức	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 28/04/2021
Bà Đinh Kim Nhung	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 31/3/2020
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên HĐQT độc lập	Bổ nhiệm ngày 31/3/2020
Bà Lê Thị Mộng Đào	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 31/3/2020
Bà Phạm Nguyễn Thoa	Thành viên HĐQT độc lập	Bổ nhiệm ngày 28/4/2021
Ông Nguyễn Việt Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập	Miễn nhiệm ngày 28/4/2021

Các thành viên Ban Kiểm soát công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Lâm Thị Mỹ Hà	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Lê Đình Minh Hiếu	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Trần Thị Lý	Thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Đinh Kim Nhung	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

Người đại diện trước pháp luật của Công ty: Bà Đinh Kim Nhung

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Hoàng Minh đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng có lợi ích công chúng khác theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;

- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT – BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2021

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Đinh Kim Nhung



Số : 364/BCKT/TC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021
của Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh*

Kính gửi:

Quý cổ đông
Hội đồng Quản trị
Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh

Chúng tôi Công ty TNHH Kiểm toán TTP, đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh được lập ngày 10 tháng 08 năm 2021 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 được trình bày từ trang 07 đến trang 39 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2021 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà nội, ngày 10 tháng 08 năm 2021

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Phó Tổng Giám đốc



Lê Phương Anh

Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán

Số: 0739 -2018 -133 -1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.560.132.905.355	631.739.188.634
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	29.260.603.240	47.811.030.875
111	1. Tiền		27.260.603.240	47.811.030.875
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.062.270.722.362	165.962.560.978
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	121.255.452.640	2.569.543.479
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	112.832.628.268	102.933.473.443
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	671.950.002.296	56.995.000.000
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	7a	156.232.639.158	3.464.544.056
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	-
139	7. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	8	344.863.968.415	317.085.547.302
141	1. Hàng tồn kho		344.863.968.415	317.085.547.302
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		123.737.611.338	100.880.049.479
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13a	112.927.400	969.701
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		123.528.884.346	100.879.079.778
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	95.799.592	-
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		945.380.400.274	698.045.058.381
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		133.705.600	-
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		-	-
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn		-	-
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn		-	-
216	6. Phải thu dài hạn khác	7b	133.705.600	-
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	II. Tài sản cố định		35.869.515.890	787.383.705
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	35.656.126.994	594.961.481
222	- Nguyên giá		41.983.830.040	1.681.974.999
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(6.327.703.046)	(1.087.013.518)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	- Nguyên giá		-	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	213.388.896	192.422.224
228	- Nguyên giá		277.200.000	212.200.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(63.811.104)	(19.777.776)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
231	- Nguyên giá		-	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	867.063.676.223	648.835.734.044
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		716.558.364	716.558.364
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		866.347.117.859	648.119.175.680
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	12	5.000.000.000	20.000.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	20.000.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.000.000.000	-
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		37.313.502.561	28.421.940.632
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13b	37.313.502.561	28.421.940.632
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	-
269	4. Lợi thế thương mại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.505.513.305.629	1.329.784.247.015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021
(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.772.231.084.955	1.069.613.982.074
310	I. Nợ ngắn hạn		878.414.021.132	702.535.490.932
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	832.655.913.784	664.959.854.898
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp NN	16	15.954.547.346	4.761.328.128
314	4. Phải trả người lao động		1.554.740.895	1.757.977.530
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	4.648.444.932	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	22.688.747.806	30.144.704.007
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		911.626.369	911.626.369
330	II. Nợ dài hạn		893.817.063.823	367.078.491.142
337	1. Phải trả dài hạn khác	18.b	300.000.000.000	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	593.817.063.823	367.078.491.142
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		733.282.220.674	260.170.264.941
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	733.282.220.674	260.170.264.941
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		579.689.330.000	180.178.960.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		579.689.330.000	180.178.960.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		42.036.500.000	(30.000.000)
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		92.450.838.514	67.382.507.227
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		24.831.989.735	15.794.528.354
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		67.618.848.779	51.587.978.873
422	4. Nguồn vốn đầu tư XDCB		-	-
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		19.105.552.160	12.638.797.714
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.505.513.305.629	1.329.784.247.015

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phan Vũ Thanh



Phan Vũ Thanh



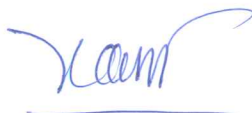
Đinh Kim Nhung

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
6 tháng đầu năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Kỳ này	Kỳ trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	42.617.956.444	8.000.000.000
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		42.617.956.444	8.000.000.000
11	4. Giá vốn hàng bán	22	14.621.091.019	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		27.996.865.425	8.000.000.000
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	16.182.506.101	583.423.448
22	7. Chi phí tài chính	25	168.000.000	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	3.862.314.311	6.162.761.311
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		40.149.057.215	2.420.662.137
31	12. Thu nhập khác	27	13.058.446.361	487.486.519
32	13. Chi phí khác	28	21.424.149	75.968.020
40	14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		13.037.022.212	411.518.499
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		53.186.079.427	2.832.180.636
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	8.220.341.511	984.553.195
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		44.965.737.916	1.847.627.441
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		44.765.482.173	1.577.242.497
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không KS		200.255.743	270.384.945
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	1.185,17	87,54

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu



Phan Vũ Thanh

Kế toán trưởng



Phan Vũ Thanh

Tổng Giám đốc



Đinh Kim Nhung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Phương pháp gián tiếp
6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	53.186.079.427	2.832.180.636
	2. Điều chỉnh cho các khoản	(136.671.795.207)	(420.501.317)
02	- Khấu hao tài sản cố định	1.031.409.655	162.922.131
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(16.182.506.101)	(583.423.448)
07	- Các khoản điều chỉnh khác	(121.520.698.761)	
08	3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	(83.485.715.780)	2.411.679.319
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	(303.633.643.743)	(24.608.594.285)
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	(27.778.421.113)	(73.103.817.363)
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	475.804.869.940	29.215.022.990
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	(9.003.519.628)	(8.720.735.924)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1.676.682.548)	(4.000.000.000)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.357.206.313
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	50.226.887.128	(77.449.238.950)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	(218.593.413.462)	(14.142.970.699)
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(257.925.694.798)	(39.800.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	22.727.165.931	
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(293.983.845.225)	
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.000.000.000	
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	15.583.680.996	583.423.448
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(717.192.106.558)	(53.359.547.251)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Phương pháp gián tiếp
(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VND	
		Kỳ này	Kỳ trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	423.355.920.000	
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	881.417.015.000	166.834.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(654.678.442.319)	(24.629.082.226)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(1.679.700.886)	(1.263.559.077)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	648.414.791.795	140.941.358.697
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	47.811.030.875	10.956.083.242
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	29.260.603.240	21.088.655.738

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu



Phan Vũ Thanh

Kế toán trưởng



Phan Vũ Thanh



Tổng Giám đốc



Đinh Kim Nhung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) (được đổi tên từ Công ty Cổ phần tư vấn dự án Quốc tế KPF từ ngày 08 tháng 06 năm 2017) thành lập và hoạt động theo Mã số doanh nghiệp số 0103930374 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 06 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 12 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 12 ngày 14 tháng 4 năm 2021.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANGMINH FINANCE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: HM FINANCE INVEST .,JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại: 20-22-24 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Vốn điều lệ của Công ty: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 579.689.330.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm bảy chín tỷ, sáu trăm tám chín triệu, ba trăm ba mươi ngàn đồng). Tương đương với 57.968.933 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Số cán bộ công nhân viên: 5 người

Công ty có các công ty con:

Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ
Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	93%	Lô D14C - Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh, xã Cam Hải Đông, Huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa
Công Ty Cổ phần TTC Deluxe Sài Gòn	98%	20-22-24 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Lĩnh vực kinh doanh:

Tư vấn, xây dựng, kinh doanh bất động sản và buôn bán hàng hóa.

Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính;

- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoàn thiện các công trình xây dựng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Sản xuất vật liệu từ đất sét: Sản phẩm gạch tuynel;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Giá trị của cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 05 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	03 năm
- Phần mềm	05 năm

2.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.12. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.14. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

2.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.17 Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

a. Mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020/TT-BTC – hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

b. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính từ Công ty mẹ và các Công ty con. Các Công ty được xác định là công ty con của Công ty khi có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các Công ty này.

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các chính sách kế toán của các Công ty con có thể được điều chỉnh nhằm đảm bảo chính sách kế toán được áp dụng ở Công ty mẹ và các Công ty con không có sự khác biệt đáng kể.

Tất cả các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư chủ yếu giữa các Công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Giá trị khoản đầu tư của Công ty vào các Công ty liên kết được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ tại Công ty liên kết tương ứng vượt quá phần vốn góp của Tổng Công ty tại các Công ty này đều không được ghi nhận.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt, tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty trừ đi Cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty mẹ được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty mẹ, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty mẹ phải chia sẻ vượt quá lợi ích của công ty mẹ trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty mẹ có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	877.684.593	4.096.126.460
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.382.918.647	43.714.904.415
- Tiền gửi VND	26.382.918.647	43.714.904.415
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	-
Cộng	29.260.603.240	47.811.030.875

4. PHẢI THU KHÁCH HÀNG	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công Ty TNHH Đầu Tư Central Capital (*)	12.000.000.000	
Công ty cổ phần PAC Quốc Tế (**)	101.668.500.000	
Công Ty TNHH The Alcove Library Hotel	4.726.513.480	
Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Và Kinh Doanh Thép Hòa Phú	2.127.052.577	
Công Ty Cổ Phần TTC Deluxe Sài Gòn		2.200.000.000
Phải thu các khách hàng khác	733.386.583	369.543.479
Cộng	121.255.452.640	2.569.543.479

(*): Là khoản tiền phải thu Công ty TNHH Đầu tư Central Capital tiền chuyển nhượng Hợp đồng Hợp tác kinh doanh - Dự án khu phức hợp và nhà ở Phước lợi (GD1) giữa công ty CP Đầu tư Tài chính Hoàng Minh và công ty CP Địa ốc Happy.

(**) Khoản phải thu công ty CP PAC Quốc tế theo Hợp đồng đặt mua trái phiếu được ký kết giữa công ty CP PAC Quốc tế và Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm (Công ty con của KPF). Theo Hợp đồng, Công ty cổ phần PAC Quốc tế là bên đặt mua trái phiếu do công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm phát hành và thanh toán theo tiến độ theo phụ lục hợp đồng ký giữa 2 bên. Đến thời điểm 30/6/2021, công ty CP PAC Quốc tế đã đặt mua 58.109 trái phiếu do công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm phát hành (Chi tiết trái phiếu do Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm phát hành được chi tiết tại thuyết minh số 15)

Các bên liên quan

Tên công ty	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND	VND
Công Ty Cổ Phần TTC Deluxe Sài Gòn	Công ty con từ T4/2021	-	2.200.000.000

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Phúc Hoàng Nguyên	26.800.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần CONFITECH Tân Đạt	12.310.849.900	12.310.849.900
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Hoàng Cầu	20.418.000.000	20.418.000.000
Công ty CP HAWEE Cơ Điện	8.781.703.331	8.781.703.331
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa	12.303.457.800	12.303.457.800
Các khoản trả trước cho người bán khác	32.218.617.237	34.119.462.412
	112.832.628.268	102.933.473.443

Đây là các khoản trả trước nhà cung cấp để thực hiện thi công dự án Khu Biệt thự tại Dự án khu du lịch sinh thái Prime - Prime Resort and Hotels tại Lô D14C khu 4, khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh, xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Cho vay tại Công ty CP TTC Delux Sài Gòn				
Nguyễn Thị Thanh Loan	272.784.207.094	-	-	-
Trần Thị Dịu Hòa	219.815.500.000	-	-	-
Hoàng Ngọc Uyên Vi	94.088.423.847	-	-	-
Cho vay tại Công ty CP Đầu tư Tài chính Hoàng Minh				
Công ty TNHH Thương Mại và Du Lịch Song Nam	8.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH New World Capital	22.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Công ty TNHH A Type Machine	17.461.871.355	-	21.995.000.000	-
Công ty TNHH Đầu Tư và Kinh Doanh BĐS Sakiland	12.000.000.000	-	12.000.000.000	-
Công Ty TNHH Đầu Tư Phúc Hậu	25.800.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Viễn Thông Minh Vi	-	-	13.000.000.000	-
Cộng	671.950.002.296	-	56.995.000.000	-

Đây là các khoản công ty CP Đầu tư Tài Chính Hoàng Minh cho vay tạm thời khi vốn nhàn rỗi. Thời gian cho vay: 12 tháng kể từ ngày cho vay; Lãi suất cho vay là 5% đến 10%/năm.

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a. Ngắn hạn	156.232.639.158	-	3.464.544.056	-
Bảo hiểm xã hội	-	-	1.280.000	-
Tạm ứng	5.318.795.817	-	656.502.350	-
Phải thu ngắn hạn khác (1)	150.913.843.341	-	2.806.761.706	-
b. Dài hạn	133.705.600	-	-	-
Cầm cổ, thế chấp, ký quỹ, ký cược	133.705.600	-	-	-
Cộng	156.366.344.758	-	3.464.544.056	-

(1) Chi tiết phải thu ngắn hạn khác:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công Ty TNHH Đầu Tư Central Capital (*)	130.000.000.000	-
Lãi cho vay	20.434.904.221	2.806.761.706
Khác	478.939.120	-
Cộng	150.913.843.341	2.806.761.706

(*) Đây là khoản phải thu công ty TNHH Đầu tư Central Capital về Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng hợp tác thực hiện dự án Khu nhà phức hợp và nhà ở Phước Lợi theo Hợp đồng số 0906/2021/HĐCN/KPF-CC ngày 9/6/2021.

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang(*)	341.635.770.035		317.085.547.302	
Hàng hoá	3.228.198.380		-	
	344.863.968.415	-	317.085.547.302	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến đầu tư xây dựng Khu Biệt thự tại Dự án khu du lịch sinh thái Prime - Prime Resot and Hotels tại Lô D14C khu 4, khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh, xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận đầu tư lần đầu ngày 01/10/2014 và được sửa đổi lần thứ nhất ngày 13/03/2015, tổng diện tích dự án 130.862 m².

Dự án xây dựng theo giấy phép xây dựng số 90/GPXD-SXD ngày 09/08/2016. Dự án đã bắt đầu bàn giao cho Nhà đầu tư từ năm 2017 và đang trong thời gian hoàn thiện hồ sơ quyết toán tổng thể.

- Giá trị HTK ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

- Giá trị HTK dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND

- Lý do dẫn đến việc trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

9. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	716.558.364	716.558.364
- Dự án Sa Huỳnh	716.558.364	716.558.364
b. Xây dựng cơ bản dở dang	866.347.117.859	648.119.175.680
- Khu du lịch sinh thái Prime - Prime Resort and Hotels - Khu A Condotel (*)	866.347.117.859	648.119.175.680
Cộng	867.063.676.223	648.835.734.044

(*) Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng dự án khách sạn và khu vui chơi giải trí với tổng diện tích là 25.055m². Khách sạn thuộc Dự án Khu du lịch sinh thái Prime - Prime Resort and Hotels - Khu A Condotel xây dựng tại Lô D14C khu 4, Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh, xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận đầu tư lần đầu ngày 01/10/2014 và được sửa đổi lần thứ nhất ngày 13/03/2015. Dự án xây dựng theo giấy phép xây dựng số 90/GPXD-SXD ngày 09/08/2016 với tổng diện tích dự án 130.848,7 m². Dự án đang trong thời gian hoàn thiện.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

Địa chỉ: Số 20-22-24 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/06/2021**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
					Tổng cộng	
Nguyên giá						
Số đầu năm		177.800.000	120.000.000	1.384.174.999		1.681.974.999
- Mua trong kỳ	365.471.283	-	-	-		365.471.283
- Tặng do hợp nhất	39.936.383.758	-	-	-		39.936.383.758
- Phân loại lại	-	-	-	-		-
- Góp vốn bằng tài sản	-	-	-	-		-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-		-
- Giảm khác	-	-	-	-		-
Số cuối kỳ	40.301.855.041	177.800.000	120.000.000	1.384.174.999		41.983.830.040
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm		177.800.000	-	909.213.518		1.087.013.518
- Khấu hao trong kỳ	832.867.740	-	10.000.002	151.008.583		993.876.325
- Tặng do hợp nhất	4.246.813.203	-	-	-		4.246.813.203
- Phân loại lại	-	-	-	-		-
- Góp vốn bằng tài sản	-	-	-	-		-
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-		-
- Giảm khác	-	-	-	-		-
Số cuối kỳ	5.079.680.943	177.800.000	10.000.002	1.060.222.101		6.327.703.046
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	-	-	120.000.000	474.961.481		594.961.481
Tại ngày cuối kỳ	35.222.174.098	-	109.999.998	323.952.898		35.656.126.994

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND
 - Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 352.471.818 VND

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

Địa chỉ: Số 20-22-24 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/06/2021**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tài sản vô hình	Đơn vị tính: VND	
					Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	-	212.200.000	-		212.200.000
- Mua trong kỳ	-	-	-		-
- Tặng do hợp nhất	-	65.000.000	-		65.000.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-		-
- Tặng khác	-	-	-		-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-		-
- Giảm khác	-	-	-		-
Số cuối kỳ	-	277.200.000	-		277.200.000
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	-	19.777.776	-		19.777.776
- Khấu hao trong kỳ	-	37.533.330	-		37.533.330
- Tặng do hợp nhất	-	6.499.998	-		6.499.998
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-		-
- Giảm khác	-	-	-		-
Số cuối kỳ	-	63.811.104	-		63.811.104
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	192.422.224	-		192.422.224
Tại ngày cuối kỳ	-	213.388.896	-		213.388.896

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND

- Giá trị TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

Địa chỉ: Số 20-22-24 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/06/2021**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	20.000.000.000	-
Quỹ Đầu tư Giá trị Việt Nam (VVIF2020)			20.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.000.000.000	-	-	-
Quỹ Đầu tư Giá trị Việt Nam (VVIF2020)	5.000.000.000			
Cộng	5.000.000.000	-	20.000.000.000	-

Quỹ Đầu tư Giá trị Việt Nam là quỹ thành viên của Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam đã được UBCK Nhà nước xác lập quỹ thành viên tại Thông báo số 455TT-UBCK ngày 31 tháng 12 năm 2020 với các thông tin sau:

- Vốn điều lệ Quỹ: 50 tỷ đồng
- Thời gian hoạt động của Quỹ: 05 năm từ ngày 31/12/2020
- Cơ cấu thành viên tham gia góp vốn lập Quỹ gồm (02) thành viên, trong đó Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh góp 40% vốn.

Đến thời điểm ngày 10/3/2021 Công ty đã chuyển nhượng 1.500 chứng chỉ quỹ VVIF2020 theo Hợp đồng chuyển nhượng số 1003/2021/HĐMB/KPPF-VINH-VVIF2020 ngày 10/3/2021 với ông Nguyễn Bách Bảo Vinh. Do vậy, tỷ lệ góp vốn của Công ty trong VVIF 2020 tại thời điểm 30/6/2021 là: 10%

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	112.927.400	969.701
- Công cụ dụng cụ	90.877.401	-
- Chi phí khác	22.049.999	969.701
b. Dài hạn	37.313.502.561	28.421.940.632
- Công cụ dụng cụ	534.924.732	289.336.089
- Chi phí vận hành + Khai trương Resort	35.857.987.109	28.132.604.543
- Chi phí dài hạn khác	920.590.720	-
Cộng	37.426.429.961	28.422.910.333

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP tập đoàn xây dựng Hòa Bình	122.610.068.518	122.610.068.518	122.610.068.518	122.610.068.518
Công ty CP xây dựng Trung Đạo	108.151.133.360	108.151.133.360	154.737.307.705	154.737.307.705
Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Và Kinh Doanh Địa Ốc Tân Kỳ	523.210.987.782	523.210.987.782	343.487.763.578	343.487.763.578
Công Ty TNHH Thương Mại Chương Dương	20.070.817.017	20.070.817.017	-	-
Công Ty TNHH NKK CN Hà Nội	3.551.018.218	3.551.018.218	-	-
Công Ty TNHH Thiết Bị Và Xây Dựng Sài Gòn	2.114.174.678	2.114.174.678	-	-
Các đối tượng khác	52.947.714.211	52.947.714.211	44.124.715.097	44.124.715.097
Cộng	832.655.913.784	832.655.913.784	664.959.854.898	664.959.854.898

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

Địa chỉ: Số 20-22-24 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/06/2021**15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn (1)	12.727.063.823	12.727.063.823	300.327.015.000	654.678.442.319	367.078.491.142	367.078.491.142
Vũ Ngọc Khánh Đạt	11.832.462.353	11.832.462.353	179.957.015.000	482.947.575.269	314.823.022.622	314.823.022.622
Nguyễn Đức Toàn	894.601.470	894.601.470	-	29.360.867.050	30.255.468.520	30.255.468.520
Trần Trọng Dũng	-	-	120.370.000.000	142.370.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000
Trái phiếu phát hành (2)	581.090.000.000	581.090.000.000	581.090.000.000	-	-	-
Tổng cộng	593.817.063.823	606.544.127.646	881.417.015.000	654.678.442.319	367.078.491.142	367.078.491.142

Thông tin bổ sung cho các khoản vay:

(1) Vay cá nhân

- Khoản vay/mượn tiền của các cá nhân với lãi suất 0%/năm; Thời gian vay: 14 - 32 tháng kể từ ngày vay. Mục đích vay: Bổ sung nguồn vốn xây dựng dự án Cam Ranh Bay Hotel & Resorts - Khu Villas. Khoản vay không có tài sản đảm bảo và bên cho vay sẽ được quyền mua sản phẩm với chính sách ưu đãi riêng.
- Số dư vay cá nhân tại 30/06/2021 là: 12.727.063.823 VND

(2) Trái phiếu phát hành

Đây là trái phiếu phát hành của Công ty TNHH đầu tư Cam Lâm với mục đích Đầu tư xây dựng dự án Khu du lịch sinh thái Prime - Prime Cam Ranh Bay Hotels & Resorts giai đoạn II.

- Tổ chức phát hành: Công ty TNHH đầu tư Cam Lâm
- Tên trái phiếu: Trái phiếu Công ty TNHH đầu tư Cam Lâm
- Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có đảm bảo
- Hình Thức: Trái phiếu ghi sổ
- Mệnh giá trái phiếu: 10.000.000 VND/Trái phiếu; Lãi suất: Có định 12%/năm; Kỳ hạn trái phiếu: 36 tháng
- Tổng giá trị phát hành: 700.000.000.000 VND (Tương đương 70.000 Trái phiếu). Giá trị phát hành trái phiếu thành công đến 30/06/2021 là 58.109 Trái phiếu tương đương với 581.090.000.000 VND.

Số dư bên liên quan

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số đầu kỳ
Vũ Ngọc Khánh Đạt	Thành viên HĐQT công ty CP TTC Deluxe				
	Sài Gòn (công ty con)	11.832.462.353	179.957.015.000	482.947.575.269	314.823.022.622
Trần Trọng Dũng	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm (Công ty con)	-	120.370.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

Địa chỉ: Số 20-22-24 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/06/2021**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chỉ tiêu	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số tăng trong kỳ	Số giảm nộp trong kỳ	Số còn phải thu cuối kỳ	Số còn phải nộp cuối kỳ
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	2.031.059.908	95.799.592	95.799.592	2.031.059.908
Thuế Thu nhập doanh nghiệp (*)	-	4.595.265.888	10.533.701.224	1.676.682.548	-	13.452.284.564
Thuế Thu nhập cá nhân	-	166.062.240	1.032.589.759	1.124.902.181	-	73.749.818
Thuế Tài nguyên	-	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	398.842.752	1.389.696	-	397.453.056
Các loại thuế khác	-	-	33.324.042	33.324.042	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	32.131.836	32.131.836	-	-
Cộng	-	4.761.328.128	14.061.649.521	2.964.229.895	95.799.592	15.954.547.346

(*): Thuế thu nhập doanh nghiệp tăng trong kỳ bao gồm: Số thuế phải nộp trong kỳ: 8.804.427.211 VND; Thuế phải tăng do hợp nhất TTC: 1.729.274.013 VND
Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Chi phí phải trả ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay	4.648.444.932	-
Cộng	4.648.444.932	-

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a. Phải trả khác ngắn hạn	22.688.747.806	30.144.704.007
Kinh phí công đoàn	32.183.640	18.184.640
Bảo hiểm xã hội	2.736.000	-
Bảo hiểm y tế	1.096.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.950.000.000	2.950.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	19.702.732.166	27.176.519.367
<i>Vũ Đức Toàn</i>	4.464.734.396	2.785.084.396
<i>Các khách hàng mua Condotel</i>	15.056.664.770	24.391.434.971
<i>Khác</i>	181.333.000	-
b. Phải trả khác dài hạn	300.000.000.000	-
Công Ty TNHH Xây Dựng Tân Hải Huy (*)	300.000.000.000	-
Cộng	322.688.747.806	30.144.704.007

(*) Đây là Khoản hợp tác kinh doanh giữa công ty CP TTC Deluxe Sài Gòn (công ty con) với công ty TNHH Xây Dựng Tân Hải Huy theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số: 01T11/HĐHTKD/TTC-THH ngày 20/12/2019 thực hiện dự án khách sạn TTC Hotel tại 20-22-24 Đông Du, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị vốn góp của Công ty TNHH Xây Dựng Tân Hải Huy góp vào dự án là: 400.000.000.000 VND; Thời gian dự án trong vòng 30 năm.

c. Số dư phải trả khác là các bên liên quan:

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
- Ông Vũ Đức Toàn	Cổ đông lớn/Chủ tịch HĐTV Công ty Cam Lâm - Công ty con	4.464.734.396	2.785.084.396

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

Địa chỉ: Số 20-22-24 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/06/2021

(*) : Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu theo Tờ trình số 18/2020/KPF/TTTr- HĐQT ngày 20/3/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị đã được Đại hội cổ đông thông qua ngày 20/3/2020:

+ Cho cổ đông chiến lược: Số lượng cổ phần: 2.113.500 cổ phần (tương đương 21.135.000.000 VND); Giá phát hành là 30.000 VND/CP; Thặng dư phát sinh: 42.270.000.000 VND.

+ Cho cổ đông hiện hữu: Số lượng cổ phần: 36.035.792 cổ phần (tương đương 360.357.920.000 VND); Giá phát hành là 10.000 VND/CP; tỷ lệ thực hiện quyền là 1:2.

(**) Chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận năm 2019 bằng cổ phiếu theo Tờ trình Đại hội cổ đông số 14/2020/KPF/TTTr- HĐQT ngày 20/03/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2021 thông qua. Tỷ lệ cổ tức là 10%

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
+ Vũ Đức Toàn	36.382.500.000	6,28%	33.075.000.000	18,36%
+ Các cổ đông khác	543.306.830.000	93,72%	147.103.960.000	81,64%
	579.689.330.000	100,00%	180.178.960.000	18,36%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	180.178.960.000	180.178.960.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	399.510.370.000	
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	579.689.330.000	180.178.960.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.968.933	18.017.896
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57.968.933	18.017.896
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	57.968.933	18.017.896
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.968.933	18.017.896
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	57.968.933	18.017.896
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
Đồng đô la Mỹ (USD)	580,20	590,10

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	17.617.956.444	-
- Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	25.000.000.000	8.000.000.000
Cộng	42.617.956.444	8.000.000.000

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	14.621.091.019	
- Giá vốn kinh doanh Bất động sản đầu tư		
Cộng	14.621.091.019	-

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	2.432.506.101	583.423.448
- Lãi đầu tư từ hợp đồng hợp tác kinh doanh		
- Lãi từ chuyển nhượng vốn góp, CCQ	13.750.000.000	
Cộng	16.182.506.101	583.423.448

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Khác (Phí thu xếp vốn)	168.000.000	
Cộng	168.000.000	-

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí nhân công	6.369.859.731	6.555.658.460
- Chi phí khấu hao	1.031.409.655	3.751.257.702
- Thuế, phí, lệ phí	86.773.193	9.000.000
- Phân bổ chi phí công cụ, dụng cụ	209.983.889	86.597.413
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.734.904.921	69.331.180.937
- Chi phí khác bằng tiền	756.227.115	600.000.001
Cộng	30.189.158.504	80.333.694.513

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí nhân công	1.217.344.421	1.272.841.967
- Chi phí khấu hao	37.094.409	3.626.701.092
- Chi phí công cụ dụng cụ	100.796.039	86.597.413
- Thuế, phí, lệ phí	30.578.627	9.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.758.545.631	567.620.838
- Chi phí khác bằng tiền	717.955.184	600.000.001
Cộng	3.862.314.311	6.162.761.311

27. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Lãi mua rẻ TTC	13.058.436.461	
- Thu nhập khác	9.900	487.486.519
Cộng	13.058.446.361	487.486.519

28. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Khác	21.424.149	75.968.020
Cộng	21.424.149	75.968.020

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

NỘI DUNG	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí thuế thu nhập DN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	8.220.341.511	984.553.195
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.220.341.511	984.553.195

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	44.765.482.173	1.577.242.497
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	44.765.482.173	1.577.242.497
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	37.771.464	18.017.896
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.185,17	87,54

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.260.603.240		47.811.030.875	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	277.621.797.398	-	6.034.087.535	-
Các khoản cho vay	671.950.002.296		56.995.000.000	
Cộng	978.832.402.934	-	110.840.118.410	-

Nợ phải trả tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND		VND	
Vay và nợ			593.817.063.823	367.078.491.142
Phải trả người bán, phải trả khác			1.155.344.661.590	695.104.558.905
Cộng			1.749.161.725.413	1.062.183.050.047

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.260.603.240			29.260.603.240
Phải thu khách hàng, phải thu khác	277.488.091.798	133.705.600		277.621.797.398
Các khoản cho vay	671.950.002.296	-		671.950.002.296
Cộng	978.698.697.334	133.705.600	-	978.832.402.934
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.811.030.875			47.811.030.875
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.034.087.535	-		6.034.087.535
Các khoản cho vay	56.995.000.000	-		56.995.000.000
Cộng	110.840.118.410	-	-	110.840.118.410

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	-	593.817.063.823		593.817.063.823
Phải trả người bán, phải trả	855.344.661.590	300.000.000.000		1.155.344.661.590
Chi phí phải trả	4.648.444.932	-		4.648.444.932
Cộng	859.993.106.522	893.817.063.823	-	1.753.810.170.345
Số đầu năm				
Vay và nợ	-	367.078.491.142		367.078.491.142
Phải trả người bán, phải trả	695.104.558.905	-		695.104.558.905
Chi phí phải trả	-	-		-
Cộng	695.104.558.905	367.078.491.142	-	1.062.183.050.047

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

Trong 6 tháng đầu năm 2021 công ty có thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Tổng số tiền là: 18.017.450.000 VND. Do vậy, trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu "Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH" và chỉ tiêu "Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu" sẽ không phản ánh số tiền này.

33. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

Địa chỉ: Số 20-22-24 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	Xây lắp	Kinh doanh BĐS	Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	17.617.956.444		25.000.000.000	42.617.956.444
Chi phí bộ phận	14.621.091.019		-	14.621.091.019
Chỉ tiêu	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	Xây lắp	Kinh doanh BĐS	Tổng
Kết quả kinh doanh bộ phận	2.996.865.425	-	25.000.000.000	27.996.865.425
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				3.862.314.311
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				24.134.551.114
Doanh thu hoạt động tài chính				16.182.506.101
Chi phí tài chính				168.000.000
Thu nhập khác				13.058.446.361
Chi phí khác				21.424.149
Thuế TNDN hiện hành				8.220.341.511
Lợi nhuận sau thuế				44.965.737.916

35. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN**a. Thông tin các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	Công ty con
Ông Trần Trọng Dũng	Tổng Giám đốc công ty TNHH Đầu tư Cam lâm
Ông Vũ Đức Toàn	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Đầu tư Cam lâm

b. Giao dịch với bên liên quan

Ông Trần Trọng Dũng	6 tháng năm 2021	
	VND	
Giao dịch với công ty TNHH Đầu tư Cam lâm		
- Cho công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm vay/ mượn tạm thời	120.370.000.000	
- Trả tiền vay	142.370.000.000	
- Tạm ứng	1.455.300	
- Hoàn tạm ứng	32.450.000.000	
Vũ Đức Toàn	6 tháng năm 2021	
LN được công ty Cam Lâm chia	1.679.650.000	
- Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc		
	Kỳ này	Kỳ trước
		VND
Thu nhập hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc	893.666.856	1.268.565.641

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh có liên quan là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán; Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh có liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 đã được công ty TNHH Kiểm toán TTP soát xét.

Người lập biểu



Phan Vũ Thanh

Kế toán trưởng



Phan Vũ Thanh

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2021

Tổng Giám đốc



Đinh Kim Nhung

